

Số: /2024/QĐ-UBND

Cà Mau, ngày 31 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Cà Mau

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;
Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;
Căn cứ Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá;
Căn cứ Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 316/TTr-STC ngày 18 tháng 12 năm 2024; ý kiến của các Thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quyết định này quy định quản lý nhà nước về giá thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cà Mau.
- Những nội dung khác liên quan đến quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Cà Mau không quy định tại Quyết định này thì thực hiện theo quy định của Luật Giá năm 2023 và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan được phân công thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cà Mau.
- Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Phân công tổ chức thực hiện bình ổn giá

1. Phân công Sở quản lý ngành, lĩnh vực đánh giá diễn biến thực tế và mặt bằng giá thị trường của hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn để xây dựng báo cáo bình ổn giá theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá, gửi Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương, biện pháp, thời hạn bình ổn giá phù hợp đối với các mặt hàng, cụ thể như sau:

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì đối với các mặt hàng thóc tẻ, gạo tẻ; phân đạm, phân DAP, phân NPK; thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản; vắc - xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm; thuốc bảo vệ thực vật.

b) Sở Công Thương chủ trì đối với các mặt hàng xăng, dầu thành phẩm; khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG).

c) Sở Y tế chủ trì đối với các mặt hàng sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi; thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

d) Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực chủ trì đối với hàng hóa, dịch vụ được bổ sung vào Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá.

2. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp bình ổn giá trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có trách nhiệm thực hiện biện pháp bình ổn giá theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

Điều 4. Phân công cơ quan chủ trì thực hiện việc thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản định giá

1. Phân công cơ quan chủ trì thực hiện việc thẩm định phương án giá hàng hóa, dịch vụ và trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản định giá, như Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Cơ quan được phân công nhiệm vụ nêu tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức việc lựa chọn, yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ lập phương án giá đối với hàng hóa dịch vụ được quy định tại điểm đ khoản 1, điểm d khoản 2 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP. Nguyên tắc lựa chọn thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

b) Đối với các trường hợp hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá: Sau khi hoàn thành thẩm định phương án giá, cơ quan, đơn vị được giao thẩm định phương án giá tại khoản 1 Điều này trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, ban hành văn bản định giá theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 85/2024/NĐ-CP.

c) Đối với trường hợp hàng hóa, dịch vụ do hai cấp định giá: Cơ quan, đơn vị được giao thẩm định phương án giá tại khoản 1 Điều này trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả thẩm định phương án giá. Sau khi có văn bản định giá tối đa hoặc khung giá hoặc giá tối thiểu, cơ quan được giao thẩm định phương án giá có trách nhiệm tổ chức rà soát các thông tin, số liệu tại phương án giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản định giá cụ thể.

Điều 5. Phân công thực hiện quản lý kê khai giá

1. Phân công cơ quan tiếp nhận kê khai giá, như Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh, các Sở quản lý ngành, lĩnh vực được phân công tiếp nhận kê khai giá tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và đăng tải Danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá tại địa phương.

Định kỳ trước ngày 15 tháng 01 hàng năm, các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận kê khai giá tại khoản 1 Điều này rà soát, đề xuất điều chỉnh danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá, gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và đăng tải Danh sách kê khai giá bổ sung (nếu có).

Điều 6. Kiểm tra yếu tố hình thành giá

Việc kiểm tra yếu tố hình thành giá thực hiện trong các trường hợp quy định lại khoản 2 Điều 31 Luật Giá năm 2023. Các cơ quan được phân công nhiệm vụ tại khoản 1 Điều 4 Quyết định này có trách nhiệm thực hiện kiểm tra yếu tố hình thành giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc lĩnh vực, phạm vi chuyên ngành quản lý.

Điều 7. Tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường

1. Sở Tài chính tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, đơn vị và xây dựng báo cáo giá thị trường định kỳ, đột xuất trên địa bàn tỉnh, trực tiếp báo cáo Bộ Tài chính để tổng hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 15, khoản 1, khoản 2 Điều 16 Thông tư số 29/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và kinh phí bảo đảm cho công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường.

2. Cục Thống kê phối hợp cung cấp báo cáo chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của tỉnh; Phân tích diễn biến CPI của tỉnh trong kỳ báo cáo; phân tích thực trạng, nguyên nhân của các yếu tố tác động đến CPI (nếu có).

3. Phân công các cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường và báo cáo giá thị trường định kỳ gửi Sở Tài chính để tổng hợp chung, như Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

4. Cơ quan được giao nhiệm vụ tại khoản 3 Điều này gửi Sở Tài chính tổng hợp định kỳ hàng tháng, 03 tháng, 06 tháng, 09 tháng và cả năm, thời gian gửi báo cáo như sau: Hàng tháng, ngày 28 của tháng báo cáo; hàng quý, ngày 01 đầu quý sau; đối với báo cáo 06 tháng, 09 tháng và cả năm, thực hiện báo cáo tương ứng quý II và 06 tháng, quý III và 09 tháng, quý IV và cả năm.

Điều 8. Quản lý Cơ sở dữ liệu về giá

1. Sở Tài chính có trách nhiệm xây dựng, tổ chức việc quản trị, điều hành hệ thống cơ sở dữ liệu về giá tại địa phương.

2. Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp xây dựng dữ liệu về giá phục vụ quản lý Nhà nước trong lĩnh vực ngành, địa phương theo hướng dẫn của Sở Tài chính.

Điều 9. Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá

1. Sở Tài chính: Kiểm tra các Sở quản lý ngành, lĩnh vực; Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác về việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giá, thẩm định giá được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công tại Quyết định này.

2. Các Sở quản lý ngành, lĩnh vực và Ủy ban nhân dân cấp huyện: Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc và các tổ chức trong danh sách tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ theo ngành, lĩnh vực thực hiện kê khai giá trên địa bàn quản lý.

3. Trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá thực hiện theo quy định tại Thông tư số 28/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về trình tự, thủ tục kiểm tra việc chấp hành pháp luật về giá, thẩm định giá.

Điều 10. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2025.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 17/2019/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành quy định quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản mới thì sẽ áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

2. Trong quá trình thực hiện Quyết định này, nếu có vướng mắc hoặc nội dung đặc thù cần hướng dẫn, các đơn vị báo cáo về Sở Tài chính để được hướng dẫn giải quyết theo quy định hoặc tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh các nội dung vượt thẩm quyền.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 11;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KT(M13), Ktr07/01.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lâm Văn Bi

Phụ lục I
PHÂN CÔNG CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN VIỆC THẨM ĐỊNH
PHƯƠNG ÁN GIÁ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ VÀ TRÌNH ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BAN HÀNH VĂN BẢN ĐỊNH GIÁ
(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	CƠ QUAN THỰC HIỆN
1	Dịch vụ sử dụng đường bộ của các dự án đầu tư xây dựng đường bộ (trừ dịch vụ sử dụng đường bộ cao tốc) để kinh doanh, do địa phương quản lý	Sở Giao thông vận tải
2	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông vận tải
3	Dịch vụ sử dụng phà được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	Sở Giao thông vận tải
4	Dịch vụ sử dụng cảng, nhà ga (bao gồm cảng, bến thủy nội địa; cảng cá) được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, do địa phương quản lý	- Sở Giao thông vận tải đối với cảng, bến thủy nội địa; - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với cảng cá
5	Sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý, đặt hàng của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Sản phẩm, dịch vụ thủy lợi khác đối với công trình thủy lợi sử dụng vốn nhà nước thuộc phạm vi, thẩm quyền quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Nước sạch	- Sở Xây dựng (đối với khu vực đô thị) - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với khu vực nông thôn)
8	Sản phẩm, dịch vụ công (dịch vụ sự nghiệp công và sản phẩm, dịch vụ công ích) trong danh mục được cấp có thẩm quyền ban hành, sử dụng ngân sách nhà nước và thuộc thẩm quyền đặt hàng của cơ quan, tổ chức ở địa phương	Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ
9	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.	Thực hiện theo quy định của pháp luật về y tế; Sở Y tế chủ trì thực hiện thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu có)

STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	CƠ QUAN THỰC HIỆN
10	Dịch vụ kiểm dịch y tế, y tế dự phòng tại cơ sở y tế công lập	Sở Y tế
11	Dịch vụ điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện tại các đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Y tế
12	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục	Thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục; Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì thực hiện thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu có)
13	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục và pháp luật về giáo dục đại học	Thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục và pháp luật về giáo dục đại học; Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì thực hiện thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu có)
14	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp	Thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp; Sở Lao động - Thương binh và xã hội chủ trì thực hiện thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu có)
15	Nhà ở công vụ	Thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở; Sở Xây dựng chủ trì thực hiện thẩm định phương án giá đối với hàng hóa, dịch vụ thuộc thẩm quyền định giá của Ủy ban nhân dân tỉnh (nếu có)
16	Nhà ở xã hội theo quy định của Luật Nhà ở	
17	Dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư đối với nhà chung cư thuộc sở hữu nhà nước trên địa bàn	
18	Nhà ở, dịch vụ khác thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của Luật Nhà ở	
19	Dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tính giá theo lộ trình thu của người sử dụng dịch vụ	Sở quản lý ngành, lĩnh vực của hàng hóa, dịch vụ
20	Đất thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về đất đai	Thực hiện theo quy định của pháp luật đất đai
21	Rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất thuộc sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của địa phương	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	CƠ QUAN THỰC HIỆN
22	Dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ	Sở Tài nguyên và Môi trường
23	Dịch vụ nghĩa trang, dịch vụ hỏa táng của cơ sở hỏa táng được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng
24	Dịch vụ ra, vào bến xe ô tô	Sở Giao thông vận tải
25	Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt	Sở Tài nguyên và Môi trường
26	Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải (trừ giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải khu công nghiệp, cụm công nghiệp được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước)	Sở Xây dựng
27	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước	Sở Giao thông vận tải
28	Dịch vụ thuê công trình hạ tầng kỹ thuật dùng chung đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước	Sở Xây dựng
29	Dịch vụ theo yêu cầu liên quan đến việc công chứng	Sở Tư pháp
30	Dịch vụ sử dụng diện tích bán hàng tại chợ được đầu tư từ nguồn vốn nhà nước	Sở Công Thương
31	<ul style="list-style-type: none"> - Hàng hóa, dịch vụ là sản phẩm, dịch vụ công đặt hàng sử dụng ngân sách nhà nước cấp huyện và thuộc thẩm quyền đặt hàng của Ủy ban nhân dân cấp huyện. - Hàng hóa, dịch vụ được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước cấp huyện. 	Ủy ban nhân dân cấp huyện

Phụ lục II
PHÂN CÔNG CƠ QUAN TIẾP NHẬN KÊ KHAI GIÁ
(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	CƠ QUAN THỰC HIỆN
I	Hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá	
1	Xăng, dầu thành phẩm	Sở Công Thương
2	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)	Sở Công Thương
3	Sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế
4	Thóc tẻ, gạo tẻ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Phân đạm; phân DAP; phân NPK	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Vắc-xin phòng bệnh cho gia súc, gia cầm	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Thuốc bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Thuốc thuộc danh mục thuốc thiết yếu được sử dụng tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Sở Y tế
II	Hàng hóa, dịch vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh định khung giá, giá tối đa, giá tối thiểu để các tổ chức định mức giá cụ thể	Các Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao thẩm định phương án giá có trách nhiệm tiếp nhận kê khai giá hàng hóa, dịch vụ thuộc nhiệm vụ thẩm định giá của cơ quan, đơn vị
III	Hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác do Chính phủ ban hành	
1	Xi măng	Sở Xây dựng
2	Nhà ở, nhà chung cư	Sở Xây dựng
3	Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đầu tư ngoài nguồn ngân sách nhà nước (giá thuê)	Sở Xây dựng
4	Thép xây dựng	Sở Xây dựng
5	Than	Sở Công Thương
6	Etanol nhiên liệu không biến tính	Sở Công Thương
7	Khí tự nhiên hóa lỏng (LNG); khí thiên nhiên nén (CNG)	Sở Công Thương
8	Thuốc thú y để tiêu độc, sát trùng, tẩy trùng, trị bệnh cho gia súc, gia cầm và thủy sản	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

10	Muối ăn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	Dịch vụ tại cảng biển khác ngoài hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá	Sở Giao thông vận tải
12	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ	Sở Giao thông vận tải
13	Thực phẩm chức năng cho trẻ em dưới 06 tuổi	Sở Y tế
14	Thiết bị y tế	Sở Y tế
15	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước	Sở Y tế
16	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân	Sở Y tế
IV	Hàng hóa, dịch vụ đặc thù thực hiện kê khai giá	
1	Dịch vụ lưu trú	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
2	Dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước	Sở Giao thông vận tải
3	Dịch vụ tham quan tại khu du lịch trên địa bàn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi	Sở Giao thông vận tải
5	Dịch vụ vận tải hành khách tham quan du lịch	Sở Giao thông vận tải
6	Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách tuyến cố định bằng đường thủy nội địa - đường biển	Sở Giao thông vận tải
7	Vật liệu xây dựng chủ yếu khác (ngoài xi măng, thép quy định tại Danh mục kê khai giá trên phạm vi cả nước)	Sở Xây dựng
8	Giống phục vụ sản xuất nông nghiệp	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Dịch vụ chủ yếu tại chợ ngoài dịch vụ do Nhà nước định giá	Sở Công Thương
10	Dịch vụ kinh doanh nước khoáng nóng	Sở Tài nguyên và Môi trường

Phụ lục III
PHÂN CÔNG CƠ QUAN TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH, DỰ BÁO GIÁ THỊ
TRƯỜNG VÀ BÁO CÁO GIÁ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH KỲ
(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ, KỸ THUẬT, QUY CÁCH	CƠ QUAN THỰC HIỆN
I	LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM		
1	Thóc tẻ		Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau
2	Gạo tẻ		Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau
3	Thịt lợn hơi (Thịt heo hơi)		Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau
4	Thịt lợn nạc thăn (Thịt heo nạc thăn)		Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau
5	Thịt bò thăn	Loại 1 hoặc phổ biến	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau
6	Thịt bò bắp	Bắp hoa hoặc bắp lõi, loại 200 - 300 gram/cái	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau
7	Gà ta	Còn sống, loại 1,5-2kg/1 con hoặc phổ biến	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau
8	Gà công nghiệp	Làm sẵn, nguyên con, bỏ lòng, loại 1,5-2kg /1 con hoặc phổ biến	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau
9	Cá quả (cá lóc)	Loại 2 con/1 kg hoặc phổ biến	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau
10	Cá chép	Loại 2 con/1 kg hoặc phổ biến	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau
11	Tôm thẻ chân trắng	Loại 40-45 con/kg	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau
12	Bắp cải trắng	Loại to vừa khoảng 0,5- 1kg/bắp	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau
13	Cải xanh	Cải ngọt hoặc cải cay theo mùa	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau
14	Bí xanh	Trái từ 1-2 kg hoặc phổ biến	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau
15	Cà chua	Trái to vừa, 8-10 trái/kg	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau

STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ, KỸ THUẬT, QUY CÁCH	CƠ QUAN THỰC HIỆN
16	Giò lụa	Loại 1kg	Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau
17	Đường ăn bao gồm đường trắng và đường tinh luyện		Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau
II	VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP		
18	Phân đạm; phân DAP; phân NPK		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
19	Thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
III	VẬT LIỆU XÂY DỰNG, CHẤT ĐÓT		
20	Xi măng PCB 30	bao 50 kg	Sở Xây dựng
21	Xi măng PCB 40	bao 50 kg	Sở Xây dựng
22	Xi măng PCB 50	bao 50 kg	Sở Xây dựng
23	Thép cuộn	D6 CB 240	Sở Xây dựng
24	Thép cuộn	D8 CB 240	Sở Xây dựng
25	Thép thanh vằn	D10 CB 300	Sở Xây dựng
26	Phôi thép vuông	100 x 10, dài 12m	Sở Xây dựng
27	Phôi thép dẹt	40 x 4, dài 6m	Sở Xây dựng
28	Phôi thép dẹt	50 x 5 , dài 6m	Sở Xây dựng
29	Thép góc	L50	Sở Xây dựng
30	Thép góc	L60	Sở Xây dựng
31	Thép góc	L63-65	Sở Xây dựng
32	Thép góc	L70-75	Sở Xây dựng
33	Thép góc	L80-100	Sở Xây dựng
34	Cát xây	Mua rời dưới 2m ³ /lần, tại nơi cung ứng (không phải nơi khai thác)	Sở Xây dựng
35	Cát vàng	Mua rời dưới 2m ³ /lần, tại nơi cung ứng (không phải nơi khai thác)	Sở Xây dựng
36	Cát đen đổ nền	Mua rời dưới 2m ³ /lần, tại nơi cung ứng (không phải nơi khai thác)	Sở Xây dựng

STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ, KỸ THUẬT, QUY CÁCH	CƠ QUAN THỰC HIỆN
37	Gạch xây	Gạch ống 2 lỗ, cỡ rộng 10 x dài 22, loại 1, mua rời tại nơi cung ứng hoặc tương đương	Sở Xây dựng
38	Khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG)		Sở Công Thương
IV	DỊCH VỤ Y TẾ		
39	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước		Sở Y tế
40	Dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh cho người tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân		Sở Y tế
V	GIAO THÔNG		
41	Trông giữ xe máy		Sở Giao thông Vận tải
42	Trông giữ ô tô		Sở Giao thông Vận tải
43	Dịch vụ vận tải hành khách tuyến cố định bằng đường bộ		Sở Giao thông Vận tải
44	Dịch vụ vận tải hành khách bằng taxi		Sở Giao thông Vận tải
VI	DỊCH VỤ GIÁO DỤC		
45	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục mầm non công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục		Sở Giáo dục và Đào tạo
46	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục phổ thông công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục		Sở Giáo dục và Đào tạo

STT	TÊN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ	ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ, KỸ THUẬT, QUY CÁCH	CƠ QUAN THỰC HIỆN
47	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục đại học công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục và pháp luật về giáo dục đại học		Sở Giáo dục và Đào tạo
48	Học phí, dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thuộc phạm vi Nhà nước định giá theo quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp		Sở Lao động - Thương binh và xã hội